



GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

CẢNH CHÍ HOÀNG, TRẦN THIÊN KỶ

Báo cáo năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 vừa được công bố đầu năm 2023 cho thấy, trong những năm qua, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam có bước tiến bộ, chất lượng nguồn nhân lực nước ta đã có nhiều cải thiện cả về giá trị và tốc độ. Lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật có bằng cấp, chứng chỉ của Việt Nam tăng mạnh trong 10 năm qua. Bài viết đánh giá năng suất lao động của Việt Nam và đưa ra một số giải pháp nhằm tăng năng suất lao động của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Năng suất lao động, nguồn nhân lực, chất lượng lao động

SOLUTIONS TO IMPROVING LABOR PRODUCTIVITY IN VIETNAM

Canh Chi Hoang, Tran Thien Ky

The labor productivity report for Vietnam in the period 2011-2020, recently published at the beginning of 2023, indicates that in recent years, the quality of Vietnam's workforce has made progress. The quality of the labor force in our country has experienced significant improvements in both value and speed. Employees with technical qualifications and degrees or certificates in Vietnam have increased substantially over the past 10 years. This article evaluates the labor productivity of Vietnam and proposes solutions to increase labor productivity in the coming period.

Keywords: Labor productivity, human resources, labor quality

Ngày nhận bài: 13/11/2023

Ngày hoàn thiện biên tập: 21/11/2023

Ngày duyệt đăng: 29/11/2023

Khái niệm về năng suất lao động

Năng suất lao động (NSLĐ) phản ánh năng lực tạo ra của cải, hiệu suất lao động cụ thể trong quá trình sản xuất, được đo bằng số sản phẩm hay lượng giá trị tạo ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian lao động sử dụng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

NSLĐ là yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của từng doanh nghiệp, có ý nghĩa quan trọng đối với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Tăng NSLĐ là mục tiêu hàng đầu mà các quốc gia trên thế giới đang hướng đến để thoát khỏi tình trạng kém phát triển và trở thành một nước công nghiệp hiện đại. Ý nghĩa của tăng NSLĐ đối với tăng trưởng kinh tế càng trở nên quan trọng

hơn khi các yếu tố đầu vào, như: vốn, đất đai, tài nguyên trở nên khan hiếm, nguồn lao động đang bị ảnh hưởng do xu thế già hóa dân số trong tương lai.

NSLĐ phản ánh năng lực tạo ra của cải, hiệu suất lao động của nền kinh tế, được quyết định bởi những yếu tố có tác động đến quy mô GDP, hàm lượng công nghệ trong sản phẩm tạo ra, số lượng và chất lượng lực lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế, bao gồm 4 nhóm:

Thứ nhất, trên góc độ vĩ mô của nền kinh tế, bao gồm: ổn định kinh tế vĩ mô; cơ cấu kinh tế; mức độ hội nhập vào kinh tế toàn cầu; môi trường đầu tư kinh doanh; điều kiện tự nhiên.

Thứ hai, trên góc độ ngành kinh tế: cơ cấu ngành; mức độ cạnh tranh trong từng ngành.

Thứ ba, trên góc độ doanh nghiệp: mức độ trang bị vốn; năng lực ứng dụng công nghệ; mức độ tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, các cụm liên kết ngành; kỹ năng quản lý.

Thứ tư, chủ thể thực hiện hoạt động sản xuất: trình độ, kỹ năng, tay nghề, kinh nghiệm, khả năng thích ứng với những thay đổi về công nghệ của người lao động.

Thực trạng năng suất lao động ở Việt Nam thời gian qua

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn 2016-2020 là phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; năng suất các nhân tố tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30%-35%; NSLĐ bình quân tăng khoảng 5%/năm. Để hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia thịnh vượng vào năm 2045, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu nhiều nhiệm vụ trọng tâm cụ thể, trong đó có nội dung đổi

mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao NSLĐ, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

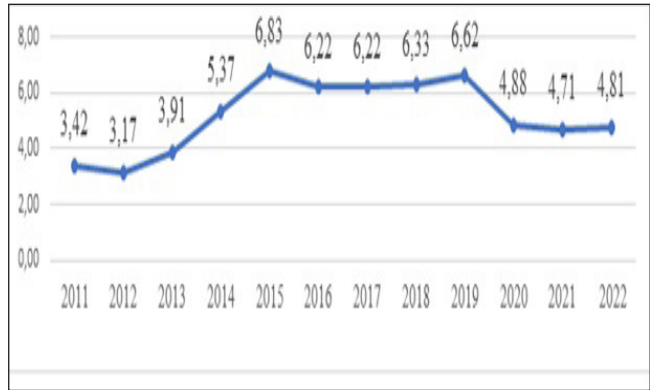
Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới trong hơn 35 năm qua đã đạt những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; đặc biệt là duy trì được nhịp tăng trưởng GDP ở mức cao, thu nhập bình quân đầu người được cải thiện đáng kể. Mặc dù vậy, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển; đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn; Việt Nam vẫn là nước có mức NSLĐ thấp và có khoảng cách khá xa với các nước trong khu vực.

Cùng với đó, NSLĐ là một chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (quy định trong Luật Thống kê), được tính bằng GDP bình quân trên một lao động đang làm việc trong năm. Tăng NSLĐ là tăng thêm kết quả sản xuất từ một đơn vị lao động hay thời gian lao động hoặc giảm bớt số lao động hay thời gian lao động để tạo ra một đơn vị kết quả sản xuất (ở trên là một đơn vị GDP hoặc giá trị tăng thêm). Điều này cho thấy, tăng NSLĐ lao động sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và từ đó tạo động lực để phát triển kinh tế. Một nền kinh tế có năng suất cao nghĩa là nền kinh tế đó có thể sản xuất ra nhiều hàng hóa hoặc dịch vụ hơn với cùng một lượng nguyên liệu/yếu tố đầu vào, hoặc sản xuất ra số lượng hàng hóa hoặc dịch vụ tương đương với lượng nguyên liệu/yếu tố đầu vào ít hơn. Từ đó, đời sống của người dân được nâng lên, góp phần thúc đẩy và phát triển xã hội. Đối với doanh nghiệp, tăng NSLĐ tạo ra lợi nhuận lớn hơn và thêm cơ hội đầu tư. Đối với người lao động tăng NSLĐ dẫn tới lương cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn. Về lâu dài, tăng NSLĐ có ý nghĩa quan trọng đối với tạo việc làm. Đối với Chính phủ, tăng NSLĐ giúp tăng nguồn thu từ thuế.

Theo Tổng cục Thống kê, có nhiều yếu tố làm tăng NSLĐ, song có thể quy về một số yếu tố chủ yếu chẳng hạn: Nhu cầu tiêu dùng của xã hội, yếu tố lao động, yếu tố vốn...

Đối với nhu cầu tiêu dùng của xã hội: đây là yếu tố liên quan đến khối lượng, chất lượng và cơ cấu sản phẩm sản xuất ra. Tiêu dùng càng nhiều, chất lượng càng cao, đòi hỏi những sản phẩm làm ra với chất lượng tốt hơn (tức là có giá trị và giá trị sử dụng cao hơn) thì sẽ kích thích sản xuất mạnh hơn, sử dụng vốn và lao động tốt hơn. Ngược lại, nếu nhu cầu tiêu dùng giảm đi sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn và lao động, do đó NSLĐ sẽ giảm đi.

HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG 2011-2022 (%)



Nguồn: Theo Tổng cục Thống kê

Yếu tố lao động, chất lượng lao động là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định tăng trưởng NSLĐ. Khoa học kỹ thuật công nghệ càng phát triển, máy móc thiết bị càng hiện đại thì càng đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn tương ứng.

Muốn nâng cao NSLĐ, bản thân các doanh nghiệp phải có nguồn vốn sản xuất đủ lớn để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại. Quy mô vốn hạn hẹp, công nghệ sản xuất lạc hậu là nhân tố cản trở tăng trưởng NSLĐ. Việc sử dụng vốn đầu tư hiệu quả cao hay thấp cũng ảnh hưởng không nhỏ tới tốc độ tăng trưởng cơ sở vật chất của từng ngành và toàn nền kinh tế, qua đó tác động tới tăng NSLĐ.

Trong những năm qua, Việt Nam có nhiều bước tiến trong việc cải thiện NSLĐ, tuy nhiên, tốc độ tăng NSLĐ vẫn còn chậm so với nhiều quốc gia trong khu vực như Thái Lan, Indonesia, Singapore.

Giai đoạn từ 2011-2021, tốc độ tăng trưởng NSLĐ của Việt Nam chỉ đạt khoảng 3-4%/năm, thấp hơn so với tăng trưởng GDP (5-6%/năm). Trong hai năm 2021-2022, Việt Nam chịu ảnh hưởng không nhỏ của đại dịch COVID-19, những gián đoạn trong chuỗi cung ứng, sự thiếu hụt về nguồn nhân lực và các biện pháp giãn cách xã hội đã khiến tốc độ tăng NSLĐ bị giảm sút so với giai đoạn trước (hình 1), gây khó khăn cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế và gia tăng tình trạng lạm phát.

Năm 2011, tốc độ tăng trưởng NSLĐ của Việt Nam tương đối thấp, chỉ đạt 3,42%. Trong giai đoạn 2013-2019, con số này đạt mức trung bình 6,3%. Tuy nhiên, những năm sau đó, tốc độ tăng trưởng NSLĐ giảm dần và chỉ đạt mức 4,71% vào năm 2021. Đồng thời, cơ cấu lao động của Việt Nam đã có sự thay đổi đáng kể. Tỷ lệ lao động của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm mạnh từ 48,6% năm 2010 xuống 27,5% vào năm 2022. Trong



khi đó cũng trong giai đoạn này, tỷ trọng lao động khu vực dịch vụ tăng từ 29,8% lên 38,9%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 21,6% lên 33,6%. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ ở mức 14,7% trên tổng lực lượng lao động, thì năm 2015 đã tăng lên mức 20,4%, năm 2019 là 22,8%, năm 2020 là 24,1%, năm 2021 và năm 2022 đạt 26,1% và 26,2%, kế hoạch năm 2023 sẽ đạt mức 27,5%.

Trong kết quả của năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo của nam cao hơn của nữ; thành thị cao gấp đôi nông thôn; lứa tuổi 25-34 cao gấp rưỡi tỷ lệ chung; trình độ đại học trở lên cao nhất (11,7%), tiếp đến sơ cấp (6,8%), trung cấp (4,1%), cao đẳng (3,6%); các địa phương, có 12 tỉnh, thành phố đạt trên 30%, trong đó có 5 địa phương đạt trên 35% (cao nhất là Hà Nội: 50,3%, tiếp đến là Đà Nẵng: 48,1%, Quảng Ninh: 41,4%, TP. Hải Phòng: 36%, TP. Hồ Chí Minh: 35,6%)...

Chia theo ngành kinh tế, có 15/21 ngành có tỷ lệ lao động qua đào tạo cao hơn tỷ lệ chung, trong đó có 11 ngành đạt khá cao (trên 50%), đặc biệt có 10 ngành đạt rất cao (y tế: 92,4%; giáo dục, đào tạo: 91,7%; hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế: 89,3%; hoạt động Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước: 88%; tài chính - ngân hàng, bảo hiểm: 86,8%; thông tin và truyền thông: 86,3%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ: 84,8%; vận tải kho bãi: 65,1%; khai khoáng: 63,4%). Tuy nhiên, tỷ lệ trên của nhiều ngành thấp hơn tỷ lệ chung. Đáng chú ý, tỷ lệ lao động qua đào tạo của nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản quá thấp (năm 2021 là 4,1%, còn giảm so với 4,3% năm 2015); của công nghiệp chế biến, chế tạo tăng chậm, hiện ở mức thấp (năm 2015 là 18%, 2021 là 23,6%); của ngành xây dựng năm 2021 chỉ đạt 14,4%, giảm so với 15% năm 2015.

Năm 2022, lực lượng lao động đã qua đào tạo từ trình độ sơ cấp nghề trở lên ước tính là 13,5 triệu người, chiếm 26,2%. Trong khi đó, với bối cảnh chuyển đổi số, nền kinh tế quốc gia đang phải đối mặt với những thách thức về thiếu hụt lao động có trình độ cao.

Có nhiều nguyên nhân gây ra sự chậm trễ này, bao gồm cơ sở hạ tầng kém, hạn chế về vốn đầu tư, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, các chính sách kinh tế không đủ hấp dẫn...

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức ảnh hưởng đến NSLĐ, đó là:

Một là, quy mô nền kinh tế Việt Nam còn nhỏ, doanh nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, năng lực đầu tư và hấp thụ công nghệ chưa cao. Với xuất

phát điểm thấp, quy mô kinh tế nhỏ, việc thu hẹp khoảng cách tương đối về thu nhập bình quân và NSLĐ của Việt Nam với các quốc gia khác trong thời gian qua là một thành tựu đáng ghi nhận nhưng chưa đủ để thu hẹp khoảng cách tuyệt đối về giá trị NSLĐ so với các nước trong khu vực.

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực hạn chế cũng là một trong những nguyên nhân cản trở tăng NSLĐ trong các doanh nghiệp ở Việt Nam. Điều này thể hiện rõ ở người lao động còn thiếu cả về mặt kỹ thuật và kỹ năng, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, cơ cấu đào tạo thiếu hợp lý, thiếu hụt lao động có tay nghề cao, khoảng cách giữa giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động còn lớn. Bên cạnh đó, một bộ phận lớn người lao động chưa được tập huấn về kỷ luật lao động công nghiệp, người lao động thiếu các kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm, thiếu khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, ngại phát huy sáng kiến tình trạng thất nghiệp ở nhóm lao động trẻ hoặc không phù hợp giữa công việc và trình độ đào tạo còn khá phổ biến. Tiền lương thấp cũng là một trong những nguyên nhân giảm động lực phấn đấu của người lao động, qua đó làm giảm NSLĐ. Do xuất phát điểm thấp và đang trong giai đoạn chuyển đổi, việc phát triển những thị trường có thể chế đặc thù trên gặp nhiều khó khăn, hệ thống pháp luật, chính sách cho việc phát triển các loại thị trường chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao và chưa theo kịp sự phát triển của các loại thị trường này. Trình độ công nghệ của doanh nghiệp còn lạc hậu, doanh nghiệp tham gia các hoạt động liên quan đến sáng tạo còn hạn chế, trong khi qua nghiên cứu cho thấy, những doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) có mức NSLĐ cao hơn 19,3% so với số doanh nghiệp còn lại.

Ba là, NSLĐ ngành công nghiệp tăng chậm, phát triển công nghiệp mới theo chiều rộng, chưa phát triển theo chiều sâu, dẫn tới thiếu bền vững. Người lao động trong ngành công nghiệp còn số lượng lớn chưa được đào tạo đúng chuyên môn, thiếu kỹ năng và điều kiện tiếp cận với công nghệ mới.

Bốn là, vẫn còn bất cập trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, ảnh hưởng tới quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Thể chế kinh tế thị trường còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là đối với các thị trường: lao động, công nghệ, bất động sản. Do xuất phát điểm thấp và đang trong giai đoạn chuyển đổi, việc phát triển các hình thức thị trường có thể chế đặc thù trên gặp nhiều khó khăn, hệ thống pháp luật, chính sách cho việc phát triển các



loại thị trường chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao và chưa theo kịp sự phát triển của các loại thị trường này.

Giải pháp tăng năng suất lao động

Để hòa nhịp với xu hướng thay đổi của kinh tế thế giới, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, các cấp, các ngành cần nhận thức về tầm quan trọng của việc nâng cao NSLĐ. Phải coi nâng cao NSLĐ là giải pháp quan trọng hàng đầu đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững trong một thế giới đầy bất trắc, khó lường như hiện nay. Vì vậy, để tăng NSLĐ cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao NSLĐ của từng đơn vị sản xuất, kinh doanh. Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách kích thích người dân, doanh nghiệp tích cực hiện đại hóa quá trình sản xuất, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tăng NSLĐ xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Với tư cách là chủ thể quản lý nền kinh tế, Nhà nước có thể thông qua hệ thống cơ chế, chính sách để tác động vào các chủ thể kinh tế nhằm hỗ trợ, kích thích người dân, doanh nghiệp tích cực hiện đại hóa quá trình sản xuất nhằm tăng NSLĐ của họ, từ đó mà làm tăng NSLĐ của nền kinh tế. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phải chủ động đẩy mạnh đổi mới, sử dụng máy móc và áp dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quá trình sản xuất.

Thứ hai, trong những năm tới, để tăng NSLĐ của nền kinh tế, cần đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quá trình này đòi hỏi Việt Nam phải có một đội ngũ lao động trình độ, có năng lực, có kỹ năng, kỹ xảo để có thể theo kịp được sự phát triển của máy móc và điều hành sản xuất theo đúng quy trình khoa học - công nghệ vốn rất phức tạp. Nhà nước cần tiếp tục tập trung nhiều nguồn lực để đầu tư, phát triển giáo dục, đào tạo. Trước hết cần quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo tất cả các cấp với đầy đủ cơ sở vật chất, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm nhiệm giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong đó, tập trung nâng cấp về mọi mặt cho các trường đại học, cao đẳng và các trường dạy nghề nhằm đáp ứng được nhu cầu lao động trình độ, tay nghề cao cho nền kinh tế.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách thể chế, tiếp tục xây dựng Chính phủ kiến tạo, hành động. Xây dựng Chính phủ số. Phải hình thành cho được hệ sinh thái khởi nghiệp. Tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thuận lợi, lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm của sự phát triển.

Doanh nghiệp và người dân là chủ thể chính

quyết định đến vấn đề nâng cao NSLĐ. Do đó, một mặt cần tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, mặt khác cần khuyến khích phát triển, hình thành nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tạo giá trị gia tăng cao.

Thứ tư, Chính phủ hỗ trợ cả doanh nghiệp và người lao động để họ hiểu về những thay đổi từ đó tự điều chỉnh để thích hợp với quá trình thúc đẩy NSLĐ; cần tiếp tục học hỏi từ những điển hình tốt về tăng NSLĐ của các quốc gia trên thông qua hợp tác quốc tế; thay đổi tư duy để đưa văn hóa năng suất lao động vào ý thức của người dân.

Thứ năm, Nhà nước tạo điều kiện về nguồn lực và chính sách thúc đẩy năng suất ở các ngành, lĩnh vực, cần xem xét, điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư, tăng tỷ trọng đầu tư nghiên cứu phát triển, công nghệ thông tin và công nghệ cao, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Cần tập trung mời gọi và xúc tiến nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực, thương hiệu mạnh; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, có hàm lượng trí thức cao, có lợi thế cạnh tranh, thân thiện với môi trường và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên... Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ chế chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển bền vững các khu công nghệ cao. Đồng thời, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tạo áp lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh để thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng công nghệ, tăng NSLĐ.

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục Thống kê (2020, 2021, 2022). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm các năm từ 2020, 2021, 2022;
2. Tổng cục Thống kê (2023). Báo cáo năng suất lao động Việt Nam giai đoạn 2011 -2020;
3. Tú Giang (2023). Tăng năng suất lao động, con đường ngắn nhất đưa nền kinh tế phát triển, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/tang-nang-suat-lao-dong-con-duong-ngan-nhat-dua-nen-kinh-te-phan-trien-nhanh-647201.html>;
4. Tùng Nguyễn (2023). Năng suất lao động Việt Nam vẫn thuộc nhóm thấp nhất khu vực, <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/nang-suat-lao-dong-viet-nam-van-thuoc-nhom-thap-nhat-khu-vuc-20230210104138622.htm>;
5. Kim Thanh (2023). "Nốt trầm" năng suất lao động, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/not-tram-nang-suat-lao-dong-639009.html>.

Thông tin tác giả:

TS. Cảnh Chí Hoàng, ThS. Trần Thiên Kỳ
 Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
 Email: hoangcc@hub.edu.vn